BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Số : 305 /TB-ĐHSPTDTTHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
Vv đăng ký đào tạo theo Đề án 89 năm 2026

Nhằm tiếp tục triển khai Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (Đề án 89);

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ, trình độ thạc sĩ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học theo Đệ án 89 (Thông tư số 25),

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội thông báo về việc đăng ký đi đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 năm 2026 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN CỦA GIẢNG VIÊN ĐĂNG KÝ ĐI HỌC

1. Đối tượng

Giảng viên cơ hữu đã đáp ứng điều kiện tuyển sinh của chương trình đào tạo, được cở sở đào tạo dự kiến tiếp nhận học chính thức trong năm đăng ký tuyển chọn hoặc năm kế tiếp liên kề; hoặc giảng viên cơ hữu đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ phải còn thời gian học tập, nghiên cứu ít nhất từ 18 tháng trở lên tính đến thời điểm tham gia tuyển chọn.

2. Tiêu chuẩn của giảng viên đăng ký đi học

a) Là công dân Việt Nam, tuổi không quá 40 tính đến năm tham gia dự tuyển; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; đủ sức khỏe để đi học; không trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên; không thuộc trường hợp chưa được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

b) Có nguyện vọng đi học Tiến sĩ hoặc đang theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ (CTĐT) lần đầu tiên.

c) Đáp ứng điều kiện tuyển sinh của CTĐT, được cơ sở đào tạo dự kiến tiếp nhận học hoặc thư tiếp nhận của giáo sư hướng dẫn chính thức trong năm đăng ký tuyển chọn hoặc năm kế tiếp liền kề. Đối với giảng viên cơ hữu đang theo học CTĐT tiến sĩ, thời gian học tập, nghiên cứu phải còn ít nhất từ 18 tháng trở lên tính đến thời điểm tham gia tuyển chọn.

d) Chưa nhận hoặc chưa cam kết nhận học bổng toàn phần từ ngân sách Nhà nước hoặc từ các nguồn kinh phí khác cho việc học tập, nghiên cứu trình độ Tiến sĩ tính đến thời điểm tham gia tuyển chọn.

đ) Cam kết hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, tốt nghiệp trình độ tiến sĩ, quay trở về làm việc tại Trường sau khi tốt nghiệp; làm việc trong thời gian tối thiểu theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định khác có liên quan.

e) Cam kết bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đã nhận từ Đề án 89 và của Trường (nếu có) trong thời gian học tập, nghiên cứu theo quy định trong trường hợp không tốt nghiệp trình độ tiến sĩ, tự bỏ học, bị buộc thôi học hoặc sau khi tốt nghiệp không trở về Trường công tác, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người được nhận hỗ trợ kinh phí từ Đề án 89 phải đền bù kinh phí đào tạo theo quy định hiện hành.

II. NGÀNH ĐÀO TẠO, CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ NƯỚC ĐẾN HỌC

1. Ngành đào tạo

(xem danh mục ngành đào tạo kèm theo Thông báo này).

2. Cơ sở đào tạo và nước đến học

a) Giảng viên lựa chọn ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học ở trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại các quyết định số 1835/QĐ-BGDĐT ngày 09/6/2021 và số 2914/QĐ-BGDĐT ngày 17/9/2021 ban hành danh sách các cơ sở đào tạo tham gia đào tạo và các ngành đào tạo *(Xin xem chi tiết các quyết định gửi kèm theo).*

b) Giảng viên lựa chọn ngành đào tạo của cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài có ngành thuộc nhóm 500 ngành hàng đầu (trong 05 năm gần đây) tại 03 bảng xếp hạng theo nhóm ngành và lĩnh vực đào tạo sau đây:

TT	Bảng xếp hạng	Địa chỉ Website
1	THE Ranking	https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/by-subject
2	QS Ranking	https://www.topuniversities.com/subject-rankings/2021
3	US News	https://www.usnews.com/education/best-global-universities

III. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

1. Kinh phí hỗ trợ cho người học tập trung toàn thời gian trong nước bao gồm:

a) Học phí nộp cho cơ sở giáo dục đại học ở trong nước;

b) Hỗ trợ kinh phí học tập, nghiên cứu cho người học. (Xin xem chi tiết tại Điều 4 của Thông tư số 30 /2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án 89 (Thông tư số 30)).

2. Kinh phí hỗ trợ cho người học tập trung toàn thời gian ở nước ngoài bao gồm:

a) Học phí và các khoản có liên quan đến học phí;

b) Chi phí làm hộ chiếu, visa;

c) Sinh hoạt phí;

d) Bảo hiểm y tế bắt buộc;

đ) Tiền vé máy bay đi và về (hạng phổ thông);

e) Chi phí đi đường;

g) Các khoản chi khác phát sinh trong quá trình đào tạo. (Xin xem chi tiết tại Điều 3 của Thông tư số 30)

3. Kinh phí hỗ trợ cấp cho người học trong thời hạn theo quyết định phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 5 Điều 12 của Thông tư số 25 được tính từ thời điểm người học nhập học chính thức tại cơ sở đào tạo hoặc từ thời điểm quyết định có hiệu lực đối với người học nhưng tối đa không quá 04 năm (48 tháng).

4. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Mục này với nội dung chi và mức chi cụ thể theo hướng dẫn của Thông tư số 30 không bao gồm chi phí đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ (nếu có) cho người học trước khi nhập học các chương trình đào tạo tiến sĩ chính thức.

Nhà trường đề nghị Lãnh đạo các Phòng, Khoa, Trung tâm phổ biến, triển khai việc đăng ký đi học tiến sĩ theo Đề án 89 năm 2026 tới toàn thể giảng viên trong đơn vị.

Các đơn vị tổng hợp danh sách giảng viên đăng ký đi học (nếu có) theo mẫu gửi kèm theo văn bản này và nộp về Phòng Tổ chức cán bộ - chuyên viên Lưu Thị Hải Yến, trước 17h00 ngày 05/05/2025 để Phòng Tổ chức cán bộ lập danh sách gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Nguyễn Duy Quyết

Nơi nhận:
- ĐU, BGH (Để B/c);
- Niêm yết tại bảng tin;
- Website trường;
- Lưu HCTH, TCCB.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC NGÀNH HỌC ƯU TIÊN CỬ ĐI ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

(Kèm theo Công văn số 305/TB-ĐHSPTDTTHN ngày 23 /04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội)

Khối ngành	Tên lĩnh vực	Tên ngành
I.	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Đo lường và đánh giá trong giáo dục
		Lý luận và phương pháp dạy học
		Giáo dục học
III.	Kinh doanh và quản lý	Công nghệ tài chính
		Tài chính-Ngân hàng
		Kinh doanh thương mại
		Kế toán
		Chính sách công
		Quản trị nhân lực
		Quản trị kinh doanh
III.	Pháp luật	Luật kinh tế
		Luật quốc tế
V.	Công nghệ kỹ thuật	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
V.	Máy tính và công nghệ thông tin	Kỹ thuật (Công nghệ) phân mêm
		Hệ thống thông tin
		Khoa học (Kỹ thuật) máy tính
		An toàn thông tin
		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
		Công nghệ thông tin

		Trí tuệ nhân tạo
V.	Toán và thống kê	Khoa học dữ liệu
		Cơ sở toán học cho tin học
		Toán học
		Toán ứng dụng
		Toán tin
VII.	Nhân văn	Ngôn ngữ học ứng dụng
		Ngôn ngữ học
		Ngôn ngữ Tây Ban Nha
		Ngôn ngữ Bồ Đào Nha
		Ngôn ngữ Italia
		Ngôn ngữ Hàn Quốc
		Ngôn ngữ Anh
		Ngôn ngữ Đức
VII.	Khoa học xã hội và hành vi	Nghiên cứu phát triển
		Quan hệ quốc tế
		Quốc tế học
		Việt Nam học
		Kinh tế quốc tế
	Các ngành khác	Trong trường hợp ngành khác không có tên trong danh mục nêu trên

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ CỬ GIẢNG VIÊN ĐI ĐÀO TẠO TIẾN SĨ, THẠC SĨ THEO ĐỀ ÁN 89 NĂM 2026

Đơn vị:

Stt	Họ và tên	Sinh ngày	Giới tính		Thời gian công tác	Đối tượng					Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo		Nguồn kinh phí	Tên cơ sở đào tạo	Nước đến học	Đơn vị công tác	Công trình khoa học			
			nam	Nữ		Giảng viên		Chưa đi học nghiên cứu sinh	Đang làm nghiên cứu sinh năm 1	Đang làm nghiên cứu sinh năm 2		Trong nước	Nước ngoài	Nguồn học bổng Đề án 89				Số lượng bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có uy tín (là những tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc danh mục trong web	Kết quả ứng dụng khoa học công nghệ	Số lượng sách phục vụ đào tạo (sách chuyên khảo, giáo trình tham khảo, sách hướng dẫn, chương sách phục vụ đào tạo)	Số lượng báo cáo khoa học tại hội thảo, khoa học quốc gia, quốc tế
						Hợp đồng viên chức	Hợp đồng lao động														
1																					

Trưởng đơn vị